



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 1

Số 06 (01/01/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-12-2009	Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố.	2
21-12-2009	Quyết định số 96/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh.	18
22-12-2009	Quyết định số 97/2009/QĐ-UBND về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	28

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

07-12-2009	Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành.	30
07-12-2009	Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản không còn phù hợp.	57

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Tư pháp thành phố****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 16/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định số 13/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27 tháng 3 năm 1982 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3101/TTr-STP-TC ngày 19 tháng 10 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1570/TTr-SNV ngày 03 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố về: công tác xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; công chứng, chứng thực; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; lý lịch tư pháp; luật sư; tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp; thừa phát lại; hòa giải ở cơ sở; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; thi hành án dân sự; công tác bồi thường của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công tác tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định pháp luật.

Sở Tư pháp có tên giao dịch bằng tiếng Anh: THE DEPARTMENT OF JUSTICE OF HO CHI MINH CITY.

Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp đặt tại: số 141 - 143 đường Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp

1. Về xây dựng quy hoạch và kế hoạch:

Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực quản lý của Sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó sau khi được phê duyệt.

2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tư vấn pháp luật:

a) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, điều chỉnh chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính lập dự thảo dự kiến chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định pháp luật.

c) Trình Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý công tác tư pháp ở thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ.

d) Phối hợp soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan chuyên môn khác của Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì soạn thảo theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định pháp luật.

e) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

g) Thực hiện tư vấn pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp.

h) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện đối với những vụ việc liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

3. Công tác thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Theo dõi chung tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở thành phố.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở thành phố và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

4. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật ở thành phố.

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

c) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành;

d) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

đ) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra văn bản; tổ chức và quản lý đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản của thành phố.

e) Tổ chức mạng lưới thông tin, tham gia xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc kiểm tra văn bản.

g) Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định pháp luật.

h) Tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, kế hoạch phổ biến,

giáo dục pháp luật; phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Làm Thường trực Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố.

c) Xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật thành phố; biên soạn, phát hành các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp.

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở phường - xã, thị trấn và ở các cơ quan, đơn vị khác của thành phố theo quy định pháp luật.

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở của thành phố theo quy định pháp luật.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố và các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc xây dựng hương ước, quy ước của ấp, cụm dân cư phù hợp quy định pháp luật.

6. Công tác pháp chế ngành:

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác pháp chế của các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

7. Công tác công chứng, chứng thực:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố đề án quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức thực hiện đề án sau khi được phê duyệt.

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề công chứng.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thành lập, giải thể Phòng Công chứng; trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của các Phòng Công chứng; hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Văn phòng công chứng.

d) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; cấp, thu hồi giấy

đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng và cung cấp thông tin cho các cơ quan có liên quan theo quy định pháp luật. Hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các Văn phòng công chứng.

đ) Thực hiện đăng ký tập sự hành nghề công chứng.

e) Đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên.

g) Quyết định tạm đình chỉ, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng đối với công chứng viên.

h) Chỉ định Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng tiếp nhận việc lưu trữ hồ sơ công chứng của các Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng đã giải thể, chấm dứt hoạt động.

i) Hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

8. Công tác luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật:

a) Xây dựng dự thảo quy hoạch phát triển các tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép thành lập, giải thể và phê duyệt Điều lệ Đoàn Luật sư; phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn Luật sư.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật trên địa bàn thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn Luật sư;

đ) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật và Chi nhánh Trung tâm; Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

e) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của các tổ chức hành nghề luật

sư cho cơ quan Nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu; yêu cầu các tổ chức hành nghề luật sư báo cáo tình hình hoạt động khi cần thiết.

g) Tiếp nhận, lưu trữ các thông báo đặt cơ sở và chấm dứt hoạt động của cơ sở hành nghề luật sư ở nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, theo dõi việc thuê luật sư nước ngoài của tổ chức hành nghề luật sư.

h) Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng tư vấn pháp luật; hỗ trợ tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các tư vấn viên pháp luật theo quy định pháp luật.

i) Hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và Trung tâm tư vấn pháp luật theo thẩm quyền.

9. Thừa phát lại:

Thực hiện thí điểm công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức hành nghề của Thừa phát lại theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ, theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Công tác giám định tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân thành phố thành lập tổ chức giám định tư pháp theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; lựa chọn người giám định tư pháp theo vụ việc để Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Bộ Tư pháp xác lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc.

c) Lập hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

d) Phối hợp với Sở chuyên môn quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho giám định viên tư pháp.

11. Công tác trọng tài thương mại:

a) Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.

b) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

12. Công tác bán đấu giá tài sản:

- a) Xây dựng dự thảo quy hoạch phát triển tổ chức bán đấu giá và tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;
- b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức bán đấu giá trên địa bàn thành phố.
- c) Trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.
- d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố.

13. Công tác trợ giúp pháp lý:

- a) Trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước. Quản lý, hướng dẫn hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý của các Văn phòng luật sư, Công ty luật, Trung tâm tư vấn pháp luật theo quy định pháp luật.
- b) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn thành phố.
- c) Cấp, thay đổi, thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các Văn phòng luật sư, Công ty luật, Trung tâm tư vấn pháp luật.
- d) Quyết định công nhận, cấp và thu hồi thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

14. Công tác hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài:

- a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đối với Phòng Tư pháp quận - huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã - thị trấn;
- b) Xây dựng hệ thống tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác hộ tịch;
- c) Trực tiếp giải quyết các việc về hộ tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố;
- d) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các việc về hộ tịch, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định pháp luật;

đ) Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp trái quy định pháp luật;

e) Quản lý, sử dụng, lưu trữ các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định pháp luật; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch;

g) Thụ lý, thẩm tra hồ sơ các việc về quốc tịch, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đề xuất hoặc giải quyết theo thẩm quyền; quản lý, lưu trữ các hồ sơ về quốc tịch.

15. Công tác lý lịch tư pháp:

a) Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố.

b) Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.

c) Lập lý lịch tư pháp, cấp phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

d) Cung cấp lý lịch tư pháp và thông tin bổ sung cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp khác.

đ) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

16. Công tác bồi thường của Nhà nước:

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường của Nhà nước trong phạm vi thành phố theo quy định pháp luật, theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

17. Công tác thi hành án dân sự:

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương theo quy định pháp luật và theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

18. Công tác cải cách hành chính:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố:

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện nội dung cải cách thể chế trong chương trình cải cách hành chính của thành phố.

- Tổ chức thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình rà soát biểu mẫu, thủ tục hành chính theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Công tác cải cách hành chính tại Sở Tư pháp:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp.

- Rà soát các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động của ngành tư pháp để đánh giá sự phù hợp; đánh giá sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định không phù hợp.

- Nghiên cứu, xây dựng các đề án cải cách hành chính của Sở Tư pháp.

- Thực hiện các biện pháp kiện toàn và hoàn thiện tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

19. Công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp:

Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

20. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức:

a) Dự thảo văn bản pháp luật trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức trực thuộc Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Các công tác khác:

a) Quản lý nhà nước đối với hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Quản lý tài chính, tài sản theo quy định pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

c) Thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định pháp luật, theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tư pháp.

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về tư pháp.

đ) Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Lãnh đạo Sở Tư pháp

1. Sở Tư pháp làm việc theo chế độ Thủ trưởng. Ban Giám đốc Sở Tư pháp gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở Tư pháp là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tư pháp và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố khi được yêu cầu.

3. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ được Bộ Tư pháp ban hành và các văn bản khác theo quy định của pháp luật.

Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

a) Sở Tư pháp có Văn phòng, Thanh tra, Phòng Tổ chức và các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo đúng Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nhiệm vụ và biên chế của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Sở Tư pháp quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp.

Tùy theo nhu cầu, Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau khi trao đổi, thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ. Riêng Thanh tra Sở thực hiện theo Luật Thanh tra.

b) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp:

b.1) Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

b.2) Đơn vị sự nghiệp có thu:

- Phòng Công chứng số 1;

- Phòng Công chứng số 2;

- Phòng Công chứng số 3;

- Phòng Công chứng số 4;

- Phòng Công chứng số 5;

- Phòng Công chứng số 6;

- Phòng Công chứng số 7;

- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

b.3) Đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động:

- Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm (trừ Tổng biên tập Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh). Các chức danh khác của Sở Tư pháp do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Tư pháp sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thành lập mới, sáp nhập hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp.

2. Biên chế hành chính, sự nghiệp của Sở Tư pháp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Sở Tư pháp.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Tư pháp

Sở Tư pháp chịu sự chỉ đạo và quản lý về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Tư pháp và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về các lĩnh vực công tác được Bộ Tư pháp phân cấp quản lý cho Sở. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn cho Bộ Tư pháp theo chế độ báo cáo công tác định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp về công tác chuyên môn. Tham dự các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Tư pháp triệu tập.

Về các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ Tư pháp để có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 7. Đối với các Ban của Thành ủy

Sở Tư pháp chủ động liên hệ công tác với các Ban của Thành ủy tiếp nhận chỉ đạo của Thành ủy và ý kiến của các Ban về những vấn đề có liên quan đến công tác cán bộ, nội dung định hướng hoạt động của Sở.

Điều 8. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị

của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình và kết quả hoạt động của ngành; tham gia các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.

Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp phải kịp thời báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Đối với các sở - ngành thành phố

1. Sở Tư pháp quan hệ với các sở - ngành thành phố trên nguyên tắc phối hợp công tác, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan.

2. Các sở - ngành có trách nhiệm thực hiện các quy định liên quan đến công tác tư pháp theo quy định pháp luật.

Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn

1. Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các nội dung về công tác tư pháp theo quy định pháp luật; phối hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương trong phạm vi quản lý của ngành. Chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho các Phòng Tư pháp quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

2. Khi cần thiết Sở Tư pháp trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành tại địa phương. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề liên quan đến quận - huyện, Sở Tư pháp cần trao đổi với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Căn cứ vào nội dung của Quy chế này, Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quy chế làm việc, chương trình công tác, hoạt động của Sở, tổ chức các phòng - ban

và bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên địa bàn thành phố.

Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương, có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 12. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCT-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 662/TT-TTTP ngày 03 tháng 10 năm 2009, Công văn số 953/TTTP-VP ngày 03 tháng 11 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1556/TTr-SNV ngày 01 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chánh Thanh tra thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện các nội dung, điều khoản được phê duyệt tại Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/2009/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng của Thanh tra thành phố

Thanh tra thành phố là cơ quan ngang sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Tư cách pháp lý

Thanh tra thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

Trụ sở làm việc của Thanh tra thành phố đặt tại số 13, đường Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra thành phố

Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật

về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng;

b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Thanh tra thành phố; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận - huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

c) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Thanh tra thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng sở - ngành trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức, nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Thanh tra quận - huyện, Thanh tra sở - ngành và cán bộ làm công tác thanh tra của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Về thanh tra:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của Thanh tra quận - huyện, Thanh tra sở - ngành;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân quận - huyện, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (gọi chung là sở - ngành);

c) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc nhiều sở - ngành;

d) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra thành phố và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện chế độ tiếp công dân tại trụ sở làm việc theo quy định;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng sở - ngành đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham

những của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra thành phố theo quy định của pháp luật; yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra Chính phủ.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ được giao.

12. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Thanh tra Chính phủ.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra thành phố; quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh Thanh tra thành phố

1. Chánh Thanh tra thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 19 Luật Thanh tra, Điều 8 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

2. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng.

3. Thực hiện nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Chánh Thanh tra thành phố tham dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố và tham gia các Hội đồng cấp thành phố có liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra

Thanh tra viên, cán bộ thanh tra, cộng tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức; Luật Thanh tra, Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ và các quy định của ngành Thanh tra.

Chương III**TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ****Điều 6. Lãnh đạo Thanh tra thành phố**

1. Lãnh đạo Thanh tra thành phố gồm Chánh Thanh tra và các Phó Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ thanh tra.

3. Chánh Thanh tra thành phố là người đứng đầu Thanh tra thành phố, chịu trách

nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về hoạt động của Thanh tra thành phố.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

4. Phó Chánh Thanh tra thành phố là người giúp Chánh Thanh tra thành phố, được Chánh Thanh tra phân công, ủy quyền phụ trách từng lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công, được giao. Khi Chánh Thanh tra thành phố vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra thành phố được Chánh Thanh tra thành phố ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra thành phố.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Thanh tra Chính phủ ban hành và đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố.

5. Các chức danh khác của Thanh tra thành phố thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức, bộ máy và biên chế cơ quan Thanh tra thành phố

1. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố gồm:

a) Văn phòng.

b) Các Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo số 1 (Phòng 1);
- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo số 2 (Phòng 2);
- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo số 3 (Phòng 3);
- Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại - tố cáo số 4 (Phòng 4).

c) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Thanh tra chống tham nhũng;
- Phòng Pháp chế;
- Phòng Tiếp dân và xử lý đơn.

d) Ban Quản lý dự án:

Việc thành lập, giải thể, chia, tách, sáp nhập tổ chức các phòng, quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chánh Thanh tra thành phố quyết định theo yêu cầu công tác thực tế và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra thành phố sau khi thỏa thuận thống nhất với Sở Nội vụ.

2. Biên chế của Thanh tra thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm với số lượng đủ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ và nằm trong chỉ tiêu biên chế chung của thành phố.

3. Trong phạm vi biên chế và kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố giao, Chánh Thanh tra thành phố được quyền thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Thanh tra thành phố.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Mối quan hệ với Thanh tra Chính phủ

Thanh tra thành phố chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn công tác, tổ chức và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm báo cáo, hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho Thanh tra Chính phủ.

Điều 9. Mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

Thanh tra thành phố chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; có trách nhiệm báo cáo hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Hội đồng nhân dân thành phố khi có yêu cầu: trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Thanh tra thành phố chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 10. Mối quan hệ với các cơ quan Tư pháp và Kiểm toán nhà nước

Thanh tra thành phố phối hợp với các cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án và Kiểm toán nhà nước trong việc phòng ngừa, chống tham nhũng; phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mọi quan hệ với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện

Thanh tra thành phố phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Mọi quan hệ với Thanh tra sở - ngành và Thanh tra quận - huyện

1. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo.

2. Phối hợp tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo kế hoạch và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp chỉ đạo, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Thực hiện chế độ thông tin về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Căn cứ vào Quy chế này, Chánh Thanh tra thành phố có trách nhiệm xây dựng Quy chế làm việc của cơ quan Thanh tra thành phố và hướng dẫn Thanh tra sở - ngành, Thanh tra quận - huyện xây dựng quy chế của từng đơn vị.

Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra thành phố thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 14. Khi có yêu cầu, Chánh Thanh tra thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố như sau:

Đơn vị tính: đồng/báo cáo

STT	Địa điểm thẩm định	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung
1	Quận 1, 3, 4, 5 6, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình	3.400.000	1.700.000
2	Quận 2, 7, 9, 12, Gò Vấp, Thủ Đức, Tân Phú, Bình Tân, huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ, Nhà Bè	5.000.000	2.500.000

Điều 2. Quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện như sau: cơ quan thu phí được giữ lại 80% số tiền phí thu được, nộp ngân sách nhà nước 20%. Phần 80% tổng số tiền thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được để lại, cơ quan thu phí được phép chi theo quy định tại Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2009/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 07 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976 đến năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 48/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành;

Căn cứ Công văn số 2212/STP-KTrVB ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và báo cáo sơ kết tổng rà soát;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 165/TTr-PTP ngày 02 tháng 12 năm 2009 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành, bãi bỏ văn bản không còn phù hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 134 văn bản do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành từ năm 1976 đến tháng 6/2008 hết hiệu lực thi hành, theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Chủ tịch UBND 16 phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Văn Non

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
Năm 1984					
01	Quyết định 35/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
02	Quyết định 36/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
03	Quyết định 37/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
04	Quyết định 38/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
05	Quyết định 40/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
06	Quyết định 41/QĐ-UBND	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng

07	Quyết định 42/QĐ-UBQ	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
08	Quyết định 43/QĐ-UBQ	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
09	Quyết định 44/QĐ-UBQ	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
10	Quyết định 57/QĐ-UBQ	07/3/1984	Quyết định về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc quận Gò Vấp		Áp dụng Quyết định 70/HĐBT ngày 11/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng
Năm 1990					
11	Quyết định 37/QĐ-UBQ	08/02/1990	Quyết định về việc thành lập Ban Tôn giáo quận	27/5/2008	Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND
12	Quyết định 239/QĐ-UBQ	27/6/1990	Quyết định về việc thành lập Phòng Tư pháp trực thuộc quận Gò Vấp	28/5/2008	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 28/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về thành lập Phòng Tư pháp trực thuộc UBND quận
Năm 1991					
13	Chi thị 07/CT-UBQ	19/12/1991	Chi thị về việc xử lý các trường hợp quân nhân đào ngũ, thanh niên chống lệnh gọi nghĩa vụ quân sự	Văn bản tự quy định thời gian	

Năm 1995					
14	Chỉ thị 01/CT-UBQ	13/01/1995	Chỉ thị về việc chấn chỉnh hoạt động kinh doanh ăn uống, karaoke trên địa bàn quận	21/10/1999	Áp dụng Chỉ thị 33/1999/CT-UB ngày 21/10/1999 của UBND thành phố
15	Quyết định 394/QĐ-UBQ	12/4/1995	Quyết định về việc thành lập Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình quận	01/11/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 764/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp.
16	Quyết định 734/QĐ-UBQ	01/7/1995	Quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận	01/11/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 764/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp.
17	Quyết định 788/QĐ-UBQ	11/7/1995	Quyết định về việc sát nhập Phòng Xây dựng và Phòng GTVT thành phòng Quản lý Đô thị	01/11/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 764/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp.
18	Quyết định 790/QĐ-UBQ	11/7/1995	Quyết định về việc sát nhập Phòng VH TT và Phòng TDTT thành Phòng Văn hóa thông tin- Thể dục thể thao	01/11/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 764/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp.
Năm 1996					
19	Chỉ thị 05/CT-UBQ	18/8/1996	Chỉ thị về việc thực hiện Pháp lệnh Thú y	01/01/2005	Pháp lệnh Thú y năm 2004 (có hiệu lực ngày 01/01/2005)

20	Quyết định 2922/QĐ-UBQ	12/9/1996	Quyết định về việc đổi tên Phòng Tài chính Kế hoạch quận Gò Vấp thành Phòng Tài chính kế hoạch và Đầu tư quận	01/11/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 764/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 của UBND quận Gò Vấp về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp
21	Chỉ thị 06/CT-UBQ	15/9/1996	Chỉ thị về việc thực hiện Nghị định 39/CP về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt và Nghị định 40/CP về đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, đẩy mạnh thực hiện Nghị định 36/CP về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự đô thị	15/03/2000	Quyết định 178/QĐ-UB-NC ngày 15/3/2000 của UBND quận (thực hiện Nghị định 36,39,40 của Chính phủ)
Năm 1997					
22	Quyết định 54/QĐ-UBQ	27/01/1997	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng tiếp nhận và giao trả hồ sơ theo cơ chế “1 cửa, 1 dấu”	28/2/2000	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 110/2000/QĐ-UB ngày 28/02/2000 của UBND quận Gò Vấp V/v ban hành quy chế và tổ chức làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”.
23	Chỉ thị 01/CT-UBQ	22/3/1997	Chỉ thị về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 1997	01/01/1998	

24	Quyết định 229/QĐ-UBQ	15/5/1997	Quyết định về việc công bố lộ giới 12m trở xuống trên địa bàn quận Gò Vấp một phần phường 15, 17, 11, 12		Theo Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 09/01/2008 của UBND quận Gò Vấp
25	Chỉ thị 02/CT-UBQ	11/6/1997	Chỉ thị về việc triển khai thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ và Pháp lệnh dự bị động viên	2004	
26	Chỉ thị 03/CT-UBQ	16/6/1997	Chỉ thị về việc lập Kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ từ năm 1997 - 2000 và tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi tham gia lực lượng dân quân tự vệ quận Gò Vấp	01/01/2001	
27	Chỉ thị 04/CT-UBQ	12/9/1997	Chỉ thị về việc gọi công dân nhập ngũ năm 1998	01/01/1999	
28	Chỉ thị 05/CT-UB-NC	04/10/1997	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập chỉ huy cơ quan và cụm liên hoàn kiểm tra phương án phòng thủ bảo vệ quận Gò Vấp năm 1997	01/01/1998	
29	Quyết định 594/QĐ-UBQ	05/12/1997	Quyết định về việc ban hành quy định xây dựng quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng an ninh	15/4/2008	Hết hiệu lực bởi Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND thành phố.
30	Chỉ thị 06/CT-UB-NC	11/12/1997	Chỉ thị về việc đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 1998	01/01/1999	

Năm 1998					
31	Quyết định 02/1998/QĐ-UBQ	06/02/1998	Quyết định về việc ủy quyền cho Trưởng phòng Tư pháp và Chánh Văn phòng UBND quận ký chứng thực các loại giấy tờ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND quận và đóng dấu UBND quận	06/7/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp
32	Quyết định 08/QĐ-UBQ	05/3/1998	Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch lao động công ích năm 1998	01/01/1999	
33	Quyết định 09/1998/QĐ-UB-NC	04/5/1998	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng UBND quận theo cơ chế “1 cửa, 1 dấu”	27/5/ 2003	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 367/2003/QĐ-UB ngày 27/5/2003 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận
34	Quyết định 11/QĐ-UBQ	11/5/1998	Quyết định về việc ban hành quy chế về chế độ thông tin báo cáo	13/4/2000	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 215/2000/QĐ-UB-NC ngày 13/4/2000 của UBND quận Gò Vấp
35	Chỉ thị 01/CT-UB-NC	10/9/1998	Chỉ thị về việc gọi công dân nhập ngũ năm 1999	01/01/2000	
Năm 1999					
36	Chỉ thị 01/CT-UB-NC	06/5/1999	Quyết định về việc tổ chức thi điểm thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ	2004	

37	Quyết định 355/QĐ-UB-QLĐT	17/6/1999	Quyết định về việc quy hoạch mạng lưới giao thông dưới 12m thuộc khu du lịch phường 17, quận Gò Vấp		Theo Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 09/01/2008 của UBND quận Gò Vấp
38	Chỉ thị 02/CT-UB-NC	01/9/1999	Chỉ thị về việc gọi công dân nhập ngũ năm 2000	01/01/2001	
39	Chỉ thị 03/CT-UB-NC	29/9/1999	Chỉ thị về tổng phúc tra quân dự bị toàn quận năm 1999	01/01/2000	
40	Chỉ thị 04/CT-UB-NC	01/12/1999	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập phòng thủ năm 1999	01/01/2000	
41	Quyết định 989/QĐ-UB-QLĐT	23/12/1999	Quyết định về việc quy hoạch mạng lưới giao thông dưới 12m thuộc phường 5, 7, 10 quận Gò Vấp		Theo Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 09/01/2008 của UBND quận Gò Vấp
Năm 2000					
42	Quyết định 110/2000/QĐ-UB	28/02/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế và tổ chức làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”.	03/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 11/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 về việc ban hành quy chế tổ chức và làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”.

43	Quyết định 195/QĐ-UB-NC	04/4/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế ủy nhiệm của Chủ tịch UBND quận đối với Trưởng phòng ban trực thuộc theo cơ chế cải cách hành chính “1 cửa, 1 dấu”	29/3/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 10/2006/QĐ-UBND ngày 29/3/2006 về ban hành Quy định về thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND quận đối với Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận, các trưởng phòng chuyên môn, Đội trưởng Đội QLTTĐT trong thực hiện cơ chế quản lý hành chính “1 cửa, 1 dấu” tại quận.
44	Quyết định 215/2000/QĐ-UB-NC	13/4/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế về chế độ thông tin báo cáo	16/12/2005	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 06/2005/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 của UBND quận Gò Vấp về ban hành quy chế về chế độ thông tin báo cáo
45	Quyết định 251/2000/QĐ-UB-NC	05/5/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền thuộc UBND quận	02/8/2002	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 597/2002/QĐ-UB ngày 02/8/2002 của UBND quận Gò Vấp về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền quận Gò Vấp
46	Chỉ thị 01/2000/CT-UB-NC	29/5/2000	Chỉ thị về việc triển khai sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh về Dân quân tự vệ	Văn bản tự quy định thời gian	
47	Chỉ thị 02/2000/CT-UB-NC	10/8/2000	Chỉ thị về việc gọi thanh niên nhập ngũ năm 2001	01/01/2002	
48	Chỉ thị 03/2000/CT-UB-NC	05/10/2000	Chỉ thị về tổ chức diễn tập phòng thủ năm 2000	01/01/2001	

Năm 2001					
49	Chỉ thị 01/2001/CT-UB-NC	19/9/2001	Chỉ thị về việc gọi thanh niên nhập ngũ năm 2002	01/01/2003	
50	Chỉ thị 02/2001/CT-UB-NC	27/9/2001	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập phòng thủ năm 2001	01/01/2002	
Năm 2002					
51	Quyết định 597/2002/QĐ-UB	02/8/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền quận Gò Vấp	03/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 12/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 của UBND quận Gò Vấp định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền thuộc UBND quận
52	Quyết định 598/2002/QĐ-UB	02/8/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND quận	03/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 14/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND quận
53	Quyết định 599/2002/QĐ-UB	02/8/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc UBND quận	03/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 13/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc UBND quận

54	Quyết định 623/2002/QĐ-UB	13/8/2002	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận	26/5/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 332/2004/QĐ-UBND ngày 26/5/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc hợp nhất Đội Quản lý trật tự đô thị và Đội Thi hành quyết định hành chính thành Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và Tổ quản lý trật tự đô thị phường.
55	Chỉ thị 01/2002/CT-UB	05/9/2002	Chỉ thị về việc gọi thanh niên nhập ngũ năm 2003	01/01/2004	
56	Quyết định 764/2002/QĐ-UB	01/11/2002	Quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận Gò Vấp	24/02/2005	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 03/2005/QĐ-UBND ngày 24/02/2005 về việc sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận
57	Quyết định 1027/2002/QĐ-UB	23/12/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Gò Vấp	03/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 10/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND quận
58	Quyết định 1028/2002/QĐ-UB	23/12/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thuộc UBND quận.		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 22/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Gò Vấp

Năm 2003					
59	Quyết định 03/QĐ-UB	23/4/2003	Quyết định về việc phúc tra quân dự bị phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân và thực hiện chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra SSCĐ năm 2003	01/01/2004	
60	Quyết định 1149/QĐ-UB	02/5/2003	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị.	17/3/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 07/2006/QĐ-UBND ngày 17/3/2006 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý Đô thị
61	Quyết định 1153/QĐ-UB	06/5/2003	Quyết định về việc ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế thuộc UBND quận Gò Vấp	23/02/2007	Không còn phù hợp bởi Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 23/02/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Bệnh viện quận Gò Vấp trực thuộc UBND quận Gò Vấp
62	Quyết định 357/2003/QĐ-UB	21/5/2003	Về việc thành lập Đội Thi hành quyết định hành chính quận Gò Vấp.	26/5/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 332/2004/QĐ-UBND ngày 26/5/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc hợp nhất Đội Quản lý trật tự đô thị và Đội Thi hành quyết định hành chính thành Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và Tổ quản lý trật tự đô thị phường.

63	Quyết định 367/2003/QĐ-UB	27/5/2003	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận	10/9/2004	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 09/2004/QĐ-UB ngày 03/9/2004 của UBND quận Gò Vấp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng HĐND-UBND quận
64	Quyết định 116/2003/QĐ-UB	11/7/2003	Quyết định phê duyệt quy hoạch các vị trí cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quận Gò Vấp giai đoạn 2003-2005	01/01/2006	
65	Chỉ thị 04/2003/CT-UB	29/7/2003	Chỉ thị về việc tuyển chọn công dân nhập ngũ năm 2004	01/01/2005	
66	Chỉ thị 06/2003/CT-UB	14/10/2003	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập phòng thủ năm 2003	01/01/2004	
Năm 2004					
67	Chỉ thị 01/2004/CT-UB-NC	28/01/2004	Chỉ thị về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2004	01/01/2005	
68	Chỉ thị 02/2004/CT-UB-NC	25/3/2004	Chỉ thị về phúc tra quân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền KTQĐ và thực hiện chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra SSCĐ năm 2004.	01/01/2005	
69	Chỉ thị 03/2004/CT-UB-NC	31/3/2004	Chỉ thị về tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi tham gia DQTV và lập kế hoạch phát triển luân phiên lực lượng DQTV năm 2004	01/01/2005	

70	Quyết định 129/2004/QĐ-UB	07/5/2004	Quyết định về phê duyệt quy hoạch một số ngành nghề thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội “nhạy cảm” để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn quận Gò Vấp, giai đoạn 2004 - 2005	01/01/2006	
71	Quyết định 332/2004/QĐ-UB	26/5/2004	Quyết định về việc hợp nhất Đội Quản lý trật tự đô thị và Đội Thi hành quyết định hành chính thành Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận Gò Vấp và Tổ quản lý trật tự đô thị phường	18/01/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý TTĐT quận và Tổ Quản lý TTĐT phường
72	Chỉ thị 06/2004/CT-UB-NC	20/7/2004	Chỉ thị về thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2005	01/01/2006	
73	Quyết định 06/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa thông tin thể thao thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Gò Vấp

74	Quyết định 07/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục - Đào tạo thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp
75	Quyết định 08/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 22/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Gò Vấp
76	Quyết định 09/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng HĐND - UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng UBND quận Gò Vấp
77	Quyết định 10/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Gò Vấp
78	Quyết định 11/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”	24/4/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 17/4/2006 về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”

79	Quyết định 12/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tổ chức chính quyền thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Gò Vấp
80	Quyết định 13/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Gò Vấp
81	Quyết định 14/2004/QĐ-UB	03/9/2004	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND quận		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Gò Vấp
82	Chỉ thị 15/2004/CT-UB-NC	14/9/2004	Chỉ thị về tổ chức diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ năm 2004	01/01/2005	
83	Quyết định 898/2004/ QĐ-UB	16/9/2004	Quyết định về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2003	01/01/2005	

Năm 2005					
84	Chỉ thị 02/2005/CT-UB-NC	18/2/2005	Quyết định về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2005	01/01/2006	
85	Quyết định 01/2005/QĐ-UB	23/02/2005	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Gò Vấp
86	Quyết định 02/2005/QĐ-UB	24/02/2005	Quyết định về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện “Năm 2005 - Năm chống lãng phí và thực hành tiết kiệm”.	01/01/2006	
87	Quyết định 03/2005/QĐ-UBND	24/02/2005	Quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận	03/6/2008	Đã bị chấm dứt hiệu lực thi hành bởi Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND
88	Quyết định 141/2005/QĐ-UB	28/02/2005	Quyết định về công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2005	01/01/2006	
89	Quyết định 04/2005/QĐ-UB	28/02/2005	Quyết định về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội quận năm 2005	01/01/2006	

90	Chỉ thị 04/2005/CT-UB-NC	10/3/2005	Chỉ thị về việc phúc tra quân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân và thực hiện chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra SSCĐ năm 2005	01/01/2006	
91	Quyết định 04/2005/QĐ-UB	25/3/2005	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo quận trực thuộc UBND quận Gò Vấp	03/6/2008	Đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND
92	Quyết định 566/2005/QĐ-UB	02/6/2005	Quyết định về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2005-2007 cho đơn vị Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Gò Vấp	01/01/2008	
93	Chỉ thị 05/2005/CT-UB-NC	20/7/2005	Chỉ thị về việc thực hiện công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự năm 2006	01/01/2007	
94	Chỉ thị 06/2005/CT-UB	21/7/2005	Chỉ thị về tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945-19/8/2005) và chào mừng ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc (19/8)	20/8/2005	

95	Chỉ thị 07/2005/CT-UBND	20/10/2005	Chỉ thị về việc tổ chức phối hợp diễn tập phòng chống khủng bố khẩn nguy Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất 2005 (KB-KN05)	Văn bản tự quy định thời gian	
96	Quyết định 10/2005/QĐ-UB	20/10/2005	Quyết định về kế hoạch thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và xây dựng chính quyền năm 2006	01/01/2007	
97	Quyết định 12/2005/QĐ-UBND	20/10/2005	Quyết định về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
98	Chỉ thị 09/2005/CT-UBND- M	17/11/2005	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập kiểm tra phương án A2 theo Quyết định 107/2003/QĐ-TTg ngày 02/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ	Văn bản tự quy định thời gian	
99	Quyết định 1310/2005/QĐ-UB	28/11/2005	Quyết định về bổ sung dự toán chi ngân sách để tăng chi tăng lương năm 2005	01/01/2006	
100	Quyết định 07/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	

101	Quyết định 08/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2006 - 2008 cho đơn vị sự nghiệp có thu bảo đảm một phần chi phí	01/01/2009	
102	Quyết định 09/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
103	Quyết định 11/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
104	Quyết định 13/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
105	Quyết định 14/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao chỉ tiêu quét thu gom rác và chăm sóc công viên, tiểu đảo năm 2006	01/01/2007	
106	Quyết định 15/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2006-2008 cho Trường Kỹ thuật Công nghệ Quang Trung	01/01/2009	
107	Quyết định 16/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính năm 2006 cho Ban quản lý chợ Gò Vấp	01/01/2007	
108	Quyết định 17/2005/QĐ-UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính năm 2006 cho Ban quản lý chợ An Nhơn	01/01/2007	

109	Quyết định 18/2005/QĐ- UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính năm 2006 cho Ban quản lý chợ Hạnh Thông Tây	01/01/2007	
110	Quyết định 19/2005/QĐ- UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính năm 2006 cho Ban quản lý chợ Xóm Mới	01/01/2007	
111	Quyết định 20/2005/QĐ- UBND	20/12/2005	Quyết định về giao quyền tự chủ tài chính năm 2006 cho Ban quản lý chợ Tân Sơn Nhất	01/01/2007	
Năm 2006					
112	Quyết định 02/2006/QĐ- UBND	11/01/2006	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý TTĐT quận và Tổ Quản lý TTĐT phường	29/11/2006	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 30/2006/QĐ-UBND ngày 22/11/2006 của UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường.
113	Quyết định 03/2006/QĐ- UBND	08/02/2006	Quyết định về công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2006	01/01/2007	
114	Chỉ thị 04/2006/CT-UBND	28/02/2006	Chỉ thị về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng năm 2006	01/01/2007	
115	Chỉ thị 06/2006/CT-UBND	28/02/2006	Chỉ thị về việc phúc tra quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân và thực hiện chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra SSDV, SSCĐ năm 2006	01/01/2007	

116	Quyết định 07/2006/QĐ-UBND	17/3/2006	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý Đô thị		Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/5/2009 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý Đô thị quận Gò Vấp
117	Quyết định 08/2006/QĐ-UBND	17/3/2006	Quyết định về việc ban hành kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2006 trên địa bàn quận	01/01/2007	
118	Quyết định 09/2006/QĐ-UBND	29/03/2006	Quyết định về ban hành chương trình hành động chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm năm 2006	01/01/2007	
119	Quyết định 10/2006/QĐ-UBND	29/3/2006	Quyết định về ban hành Quy định về thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND quận đối với Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận, các trưởng phòng chuyên môn, Đội trưởng Đội QLTTĐT trong thực hiện cơ chế quản lý hành chính “1 cửa, 1 dấu” tại quận	15/8/2008	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp ban hành quy định ủy quyền và ký thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND quận đối với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận Gò Vấp
120	Quyết định 11/2006/QĐ-UBND	06/4/2006	Quyết định về việc điều chỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2006 cho Hội Cựu chiến binh	01/01/2007	

121	Quyết định 12/2006/QĐ-UBND	06/4/2006	Quyết định về việc bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2006 cho UBND phường 13	01/01/2007	
122	Quyết định 13/2006/QĐ-UBND	06/4/2006	Quyết định về việc bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2006 cho UBND phường 1, 3, 5, 10, 11, 13, 15, 16, 17	01/01/2007	
123	Quyết định 17/2006/QĐ-UBND	17/4/2006	Quyết định về việc ban hành quy chế làm việc của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”	10/7/2007	- Đã được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của UBND quận Gò Vấp về điều chỉnh, bổ sung và công bố Quy chế làm việc sửa đổi của UBND quận theo cơ chế “một cửa, một dấu”. - Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 10/7/2007 của UBND quận Gò Vấp đã được thay thế bởi Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 về ban hành Quy chế làm việc của UBND quận Gò Vấp (Thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân)
124	Quyết định 18/2006/QĐ-UBND	18/5/2006	Quyết định về việc ban hành chương trình hành động “Năm 2006 - Năm cải cách hành chính”	01/01/2007	
125	Quyết định 21/2006/QĐ-UBND	08/6/2006	Quyết định về điều chỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2006 cho UBMTTQ quận	01/01/2007	

126	Quyết định 23/2006/QĐ-UBND	28/6/2006	Quyết định về việc điều chỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2006	01/01/2007	
127	Quyết định 24/2006/QĐ-UBND	19/7/2006	Quyết định về bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
128	Quyết định 27/2006/QĐ-UBND	18/8/2006	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2006	01/01/2007	
129	Chỉ thị 28/2006/CT-UBND	03/10/2006	Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập xử lý tình huống khủng bố, biểu tình, bạo loạn, bắt cóc con tin và kiểm tra phương án phòng thủ bảo vệ Gò Vấp năm 2006 (Ký hiệu DT-06)	Văn bản tự quy định thời gian	
130	Quyết định 1296/2006/QĐ- UBND	25/10/2006	Quyết định về thành lập Phòng Y tế của UBND quận	03/6/2008	- Đã bị chấm dứt hiệu lực thi hành bởi Quyết định số 03/2008/QĐ- UBND ngày 27/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND; Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 28/5/2008 của UBND quận Gò Vấp về thành lập Phòng Y tế

131	Quyết định 30/2006/QĐ-UBND	22/11/2006	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường	26/12/2007	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của UBND thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 26/12/2007 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về thành lập Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng 16 phường. - Đã bị thay thế bởi Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng 16 phường. - Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của Chủ tịch UBND quận Gò Vấp đã bị thay thế bởi Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 11/6/2009 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng 16 phường.
-----	-------------------------------	------------	--	------------	---

132	Quyết định 33/2006/QĐ-UBND	26/12/2006	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng và xây dựng chính quyền năm 2007	01/01/2008	
Năm 2007					
133	Quyết định 02/2007/QĐ-UBND	20/12/2007	Quyết định về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2008	01/01/2009	
134	Quyết định 03/2007/QĐ-UBND	26/12/2007	Quyết định về ban hành kế hoạch thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng và xây dựng chính quyền năm 2008	01/01/2009	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2009/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 07 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ văn bản không còn phù hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976 đến năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 48/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành;

Căn cứ Công văn số 2212/STP-KTrVB ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Sở Tư

pháp thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và báo cáo sơ kết tổng rà soát;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 165/TTr-PTP ngày 02 tháng 12 năm 2009 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành, bãi bỏ văn bản không còn phù hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 02 văn bản do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành từ năm 1976 đến tháng 6/2008 không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Chủ tịch UBND 16 phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Văn Non

DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC BÃI BỎ DO KHÔNG CÒN PHÙ HỢP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
Năm 1998				
01	Quyết định 17/1998/QĐ-UB	22/12/1998	Quyết định về việc ban hành bản quy định tạm thời về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ - công nhân viên chức Nhà nước của quận	Không còn phù hợp do đã có Quyết định số 161/2003/QĐ-TTg ngày 04/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức)
Năm 2003				
02	Quyết định 363/QĐ-UB	26/5/2003	Về việc ban Quản lý dự án Tin học Đề án 112	Không còn phù hợp với Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về Đề án 112 ngày 19/4/2007 tại Văn phòng Chính phủ; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng